TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc: "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thu Ánh N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 03 đường LNĐ, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Bị đơn: Ông Quách Minh T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 572 LD, tổ 01, phường TL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thu Ánh N trình bày như sau:

Bà và ông Quách Minh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 08 tháng 11 năm 1989. Do bất đồng về quan điểm trên nhiều phương diện, không chung cách nghĩ, không cùng lối sống,

sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Theo thời gian, sự bất đồng ngày càng lớn, không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống. Mặc dù, ông bà nhiều lần ngồi lại trao đổi, tìm cách hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Bản thân bà tự nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quách Minh T.

Về con chung: Bà và ông Quách Minh T có 02 (hai) con chung Quách Thu Minh T1, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1990 và Quách Thủy T2, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2005. Các con đều đã thành niên, có công việc, có khả năng học tập, lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Quách Minh T tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Quách Minh T:

Ông Quách Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông T trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn bà Đoàn Thu Ánh N nhưng ông không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn bà Đoàn Thu Ánh N chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Quách Minh T, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thu Ánh N về yêu cầu ly hôn với ông Quách Minh T. Bà Đoàn Thu Ánh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đoàn Thu Ánh N và ông Quách Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 08 tháng 11 năm 1989. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, bà N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T, bị đơn ông T cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để ông trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N, tham gia

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ, hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngày 11 tháng 7 năm 2023, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Đoàn Thu Ánh N và ông Quách Minh T cư trú nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng.

Ông T hiện vẫn chung sống với bà N nhưng lại có thái độ bàng quan trước yêu cầu ly hôn của bà N cùng với nội dung tự khai của bà N cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã phát sinh trong thời gian dài nhưng không được giải quyết dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc, lẫn nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Đoàn Thu Ánh N và ông Quách Minh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Đoàn Thu Ánh N, xử cho bà N được ly hôn với ông Quách Minh T.

Về con chung: Bà Đoàn Thu Ánh N và ông Quách Minh T có 02 (hai) con chung Quách Thu Minh T1, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1990 và Quách Thủy T2, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2005. Theo bà N, các con Quách Thu Minh T1 và Quách Thủy T2 đều đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng học tập, lao động, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết

Về vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Đoàn Thu Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Bà Đoàn Thu Ánh N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 6, 7, 8, 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1989

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 57 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đoàn Thu Ánh N

Bà Đoàn Thu Ánh N được ly hôn với ông Quách Minh T

2. Về án phí: Bà Đoàn Thu Ánh N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0000294 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà Đoàn Thu Ánh N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà Đoàn Thu Ánh N được quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Quách Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 50 ngày 08/11/1989);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**